

đường biên giới Việt Nam - Campuchia?.

A. Xà Xía. B. Lệ Thanh. C. Mộc Bài. D. Tây Trang.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Vũ Quang. B. Côn Sơn. C. Ba Vì. D. Ba Bể.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khai thác bôxít có ở tỉnh nào sau đây?

A. Lai Châu. B. Lào Cai. C. Hà Giang. D. Cao Bằng.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả có ngành nào sau đây?

A. Luyện kim màu. B. Hóa chất, phân bón. C. Đóng tàu. D. Chế biến nông sản.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây **không** phải là đô thị loại 1?

A. Hải Phòng. B. Huế. C. Đà Nẵng. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết mũi Đại Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Phú Yên. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Bình Định.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ? A. Pu Trà. B. Phanxipăng. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phu Luông.

Câu 60: Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta là

A. chống bão. B. khai thác hợp lý. C. làm thủy điện. D. dự báo động đất.

Câu 61: Nơi nào sau đây ở nước ta thường xảy ra lũ quét?

A. Miền núi. B. Cửa sông. C. Vùng biển. D. Đồng bằng.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

A. Đắk Lắk. B. Sơn La. C. Nghệ An. D. Quảng Ngãi.

Câu 63: Sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay

A. chỉ được trồng ở vùng núi phía Bắc. B. hầu hết được sản xuất theo nông hộ.
C. chưa sản xuất theo hướng hàng hóa. D. có quan tâm đến vấn đề môi trường.

Câu 64: Nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

A. hoàn toàn dành cho việc xuất khẩu. B. chỉ tập trung ở những vùng ven biển.
C. có sản lượng ngày càng giảm xuống. D. phát triển nhanh ở vùng có thể mạnh.

Câu 65: Ở khu vực I, tỉ trọng ngành chăn nuôi đang tăng phản ánh xu hướng tích cực của quá trình

A. mở cửa hội nhập với các nước trên thế giới. B. phát triển kinh tế nhiều thành phần.
C. đẩy mạnh việc liên doanh và hợp tác quốc tế. D. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 66: Lao động trong các ngành công nghệ cao ở nước ta hiện nay

A. không được học tập kinh nghiệm làm việc. B. trình độ tay nghề giữ ổn định qua các năm.
C. đang nâng cao dần kiến thức chuyên môn. D. chưa được sử dụng khoa học và công nghệ.

Câu 67: Hệ thống đảo của nước ta

A. duy nhất phát triển nuôi trồng thủy sản. B. là nơi tập trung nhiều khoáng sản quý.
C. nằm ở xa bờ và có rất nhiều quần đảo. D. có những đảo nằm ven bờ và đông dân.

Câu 68: Vị trí địa lí của nước ta

A. hoàn toàn nằm ở vùng xích đạo. B. ở trong vùng có nhiều thiên tai.
C. ở giữa trung tâm Đông Nam Á. D. nằm trên vành đai sinh khoáng.

Câu 69: Các đô thị lớn ở nước ta hiện nay

A. thu hút nhiều dự án đầu tư. B. chưa được đầu tư giao thông.
C. thương mại không phát triển. D. nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 70: Giao thông vận tải đường sắt nước ta hiện nay

A. chưa tham gia vận chuyển hành khách. B. đang được nâng cấp các toa tàu.
C. không đóng góp vào phát triển kinh tế. D. chưa có tuyến đường Bắc- Nam.

Câu 71: Tài nguyên ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay ngày càng được khai thác hiệu quả chủ yếu nhờ vào

A. hợp tác đầu tư, nâng cấp giao thông, phát triển khai khoáng.
B. nâng cấp hạ tầng, liên doanh nước ngoài, lập khu công nghiệp.
C. mở rộng thị trường, tăng liên kết vùng, thu hút các nguồn vốn.
D. đầu tư công nghệ và hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ.

Câu 72: Các giải pháp chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở nước ta hiện nay là

A. đổi mới các nguồn hàng xuất khẩu, tập trung thị trường trong nước.
B. thực hiện tốt những hiệp định thương mại, tăng các sản phẩm hữu cơ.
C. chuyển dịch cơ cấu hàng hóa theo chiều sâu, đa dạng hóa thị trường.
D. tăng cường khai thác lợi thế về tài nguyên, chuyển đổi kỹ thuật mới.

2021	4657066,3	3830559,8	379390,6	447115,8
------	-----------	-----------	----------	----------

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh của nước ta giai đoạn 2019 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Tròn. D. Kết hợp.

HẾT

KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2024

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ 2

(Đề thi có 04 trang)

Câu 41: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020 VÀ NĂM 2021

(Đơn vị: %)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Lào	Cam-pu-chia	Bru-nây
2020	56,6	36,3	39,1	78,3
2021	57,3	36,9	39,9	78,6

(Nguồn: Asean Statistical Yearbook 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2022 với năm 2021?

- A. In-đô-nê-xi-a giảm, Lào tăng. B. Campuchia tăng nhiều hơn Bru-nây.
C. Bru-nây giảm, In-đô-nê-xi-a tăng. D. Lào tăng nhiều nhất, Cam-pu-chia giảm.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có nhiệt độ tháng I cao nhất?

- A. Hà Nội. B. Lạng Sơn. C. Điện Biên Phủ. D. Cần Thơ.

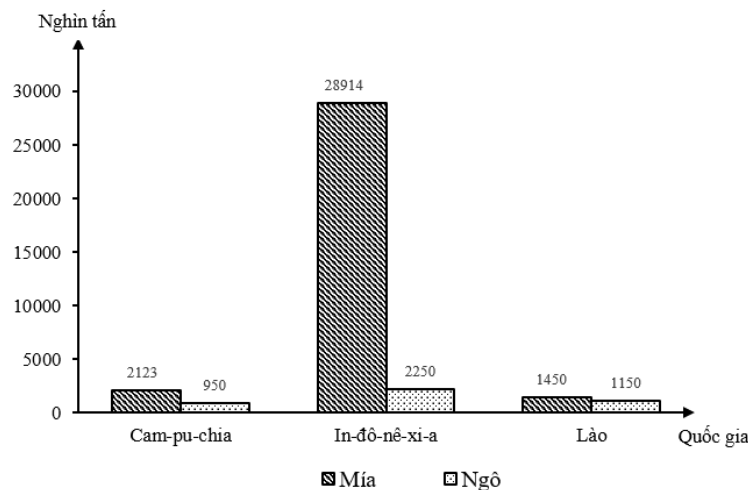
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào trong các nhà máy sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Cần Đơn. B. Trị An. C. Thác Mơ. D. Hàm Thuận - Đa Mi.

Câu 44: Đường mía là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến sản phẩm

- A. chăn nuôi. B. trồng trọt. C. thủy hải sản. D. dầu khí.

Câu 45: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG MÍA, NGÔ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng mía, ngô của một số quốc gia năm 2020?

- A. Sản lượng mía của In-đô-nê-xi-a gấp 2,5 lần Lào. B. Sản lượng mía của Lào cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. Sản lượng ngô của Cam-pu-chia thấp hơn Lào. D. Sản lượng ngô của In-đô-nê-xi-a bằng Lào.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh ven biển nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Nghệ An. B. Quảng Ninh. C. Kon Tum. D. Thanh Hóa.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô?

- A. Thủ Dầu Một. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Biên Hòa. D. Vũng Tàu.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?
- A. Sông Đà. B. Sông Hiếu. C. Sông Thương. D. Sông Cầu.
- Câu 49:** Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay
- A. phân bố đồng đều. B. chỉ có khai khoáng. C. sản phẩm đa dạng. D. tăng trưởng rất chậm.
- Câu 50:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác lâm thổ theo chiều sâu trong lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ là
- A. bảo vệ rừng. B. nước ngọt. C. năng lượng. D. bảo vệ đất.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào sau đây ở Tây Nguyên?
- A. Kon Tum. B. Di Linh. C. Mơ Nông. D. Lâm Viên.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas địa lí trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cửa khẩu nào sau đây ở vùng Bắc Trung Bộ?
- A. Hữu Nghị. B. Móng Cái. C. Cầu Treo. D. Xà Xía.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?
- A. Cần Thơ. B. Vũng Áng. C. Ninh Bình. D. Mỹ Tho.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết các trung tâm du lịch nào sau đây có quy mô cùng cấp?
- A. Hải Phòng, Đà Nẵng. B. Hạ Long, Hà Nội. C. Vũng Tàu, Nha Trang. D. Cần Thơ, Huế.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Hà Giang. B. Lào Cai. C. Tuyên Quang. D. Cao Bằng.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Bỉm Sơn có ngành nào sau đây?
- A. Cơ khí. B. Đóng tàu. C. Luyện kim màu. D. Dệt, may.
- Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết những đô thị nào sau đây thuộc loại 2?
- A. Hà Nội, Nha Trang. B. Vũng Tàu, Pleiku. C. Long Xuyên, Đà Lạt. D. Thái Nguyên, Hạ Long.
- Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Kiên Giang. D. Khánh Hòa.
- Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây **không** có hướng Tây Bắc - Đông Nam?
- A. Hoàng Liên Sơn. B. Trường Sơn Bắc. C. Bạch Mã. D. Pu Đen Đinh.
- Câu 60:** Biện pháp để mở rộng diện tích rừng ở nước ta là
- A. trồng cây theo băng. B. cải tạo đất hoang. C. làm ruộng bậc thang. D. tích cực trồng mới.
- Câu 61:** Ngập lụt ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa nào sau đây?
- A. Chiêm xuân. B. Hè thu. C. Đông xuân. D. Mùa.
- Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?
- A. Thanh Hoá. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.
- Câu 63:** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ của nước ta hiện nay
- A. có sản xuất theo hình thức trang trại. B. chỉ phát triển ở khu vực miền núi.
C. có tỉ trọng rất lớn trong xuất khẩu. D. hoàn toàn nuôi ở các trang trại lớn.
- Câu 64:** Hoạt động đánh bắt xa bờ của nước ta hiện nay
- A. tập trung chủ yếu xung quanh các đảo. B. được quan tâm khuyến khích phát triển.
C. sử dụng hoàn toàn phương tiện thủ công. D. có hầu hết sản phẩm dùng để xuất khẩu.
- Câu 65:** Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là
- A. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng. B. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
C. quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. D. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- Câu 66:** Lao động trong ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay
- A. hầu hết chưa được đào tạo tay nghề. B. toàn bộ là lao động có chuyên môn.
C. đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công việc. D. tác phong công nghiệp dần nâng lên.
- Câu 67:** Các huyện đảo của nước ta
- A. có ở tất cả các tỉnh nằm ven biển. B. đều có diện tích và dân số rất lớn.
C. nhiều nơi có nuôi trồng thủy sản. D. đều phát triển mạnh công nghiệp.
- Câu 68:** Nước ta nằm ở
- A. Tây Nam châu Á, trong vùng khí hậu ôn hòa. B. trong khu vực kinh tế phát triển năng động.
C. vùng xích đạo bán cầu Nam, giáp nhiều nước. D. khu vực á nhiệt đới gió mùa, có ít thiên tai.